

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 390/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị X** - Sinh năm: 1961, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.2) *Bị đơn:* Bà **Trần Thị H** - Sinh năm: 1961, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3) *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Huỳnh Văn T** - Sinh năm 1957, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 1976, địa chỉ: Khu phố D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 07/01/2019).

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền nợ hui là 70.489.000VNĐ (bảy mươi triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn đồng).

2.2) Kể từ ngày bà Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn T chưa thi hành án xong khoản tiền nêu trên thì bà

Trần Thị H và ông Huỳnh Văn T phải liên đới chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3) Về án phí sơ thẩm:

2.3.1. Bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn T phải liên đới chịu 1.762.000 VNĐ (Một triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Huỳnh Văn T là người cao tuổi nên ông được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần mà ông phải chịu theo quy định của pháp luật là 440.500 VNĐ (Bốn trăm bốn mươi ngàn năm trăm đồng), như vậy, bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn T còn phải liên đới nộp 1.321.500 VNĐ (Một triệu ba trăm hai mươi một ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.3.2. Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.475.000 VNĐ (Hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021850 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên